

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **406/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 14-12-2022.
V/v tranh chấp: Xin ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thu Hồng**.

2. Ông **Trần Văn Nghiệm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: Trần Thanh P, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh T.

(chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Chị và anh Trần Thanh P sống chung với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện G vào ngày 21/12/1999. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do anh P ghen

tuông vô cớ, gây gổ với chị rất nhiều lần, tình cảm giữa chị và anh P đã rạn nứt, không thể hàn gắn lại được, nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh P.

-Về con chung: có 02 con chung gồm:

+ Trần Thanh K, sinh ngày 01/11/2003 (đã trưởng thành).

+ Trần Thanh H, sinh ngày 06/11/2000 (đã trưởng thành).

Hiện hai con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Thanh P vắng mặt, anh P mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P không đến và cũng không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị D. Bị đơn anh Trần Thanh P vắng mặt, anh P mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng anh P không đến dự phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Trần Thanh P sống chung với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện G vào ngày 21/12/1999. Thời gian đầu chị D và anh P sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do anh P ghen tuông, anh P mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến, cho thấy anh P đã không có thiện chí để hàn gắn tình cảm gia đình. Nên nay chị D yêu cầu ly hôn với anh P là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung.

+ Trần Thanh K, sinh ngày 01/11/2003 (đã trưởng thành).

+ Trần Thanh H, sinh ngày 06/11/2000 (đã trưởng thành).

Hiện 02 con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về nợ chung: Không có nên không nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ D.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trần Thanh P.

- Về con chung: Có 02 con chung.

+ Trần Thanh K, sinh ngày 01/11/2003 (đã trưởng thành).

+ Trần Thanh H, sinh ngày 06/11/2000 (đã trưởng thành).

Hiện 02 con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về nợ chung: Không có nên không nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Về án phí HNST: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0026545 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G được cản trừ xem như chị D đã nộp xong án phí.

[8]. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thanh Trinh